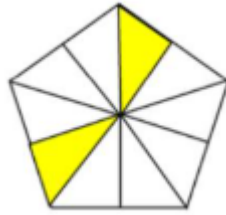


HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 6

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số phần đã tô màu hình vẽ bên được biểu thị bằng phân số là:



A. $\frac{2}{10}$

B. $\frac{8}{10}$

C. $\frac{2}{8}$

D. $\frac{10}{2}$

Phương pháp

Phân số chỉ số phần được tô màu có tử số là số phần được tô màu, mẫu số là tổng số phần bằng nhau.

Lời giải

Số phần đã tô màu hình vẽ bên được biểu thị bằng phân số là: $\frac{2}{10}$

Đáp án: A

Câu 2. Hình bình hành có mấy cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau?

A. 1 cặp

B. 2 cặp

C. 3 cặp

D. 4 cặp

Phương pháp

Dựa vào định nghĩa hình bình hành.

Lời giải

Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Đáp án: B

Câu 3. $\frac{8}{5}$ của 40 kg là:

A. 48 kg

B. 64 kg

C. 72 kg

D. 320 kg

Phương pháp

Muốn tìm phân số của một số ta lấy số đó nhân với phân số

Lời giải

$$\frac{8}{5} \text{ của } 40 \text{ kg là: } 40 \times \frac{8}{5} = 64 \text{ (kg)}$$

Đáp án: B

Câu 4. Ba bạn Nam, Hiếu, Quân có chiều cao lần lượt là 125 cm, 130 cm, 129 cm. Hỏi trung bình mỗi bạn cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 384 cm

B. 125 cm

C. 192 cm

D. 128 cm

Phương pháp

Chiều cao trung bình của mỗi bạn = tổng chiều cao của ba bạn : 3

Lời giải

Trung bình mỗi bạn cao số xăng-ti-mét là: $(125 + 130 + 129) : 3 = 128$ (cm)

Đáp án: D

Câu 5. Hoà và Bình có tất cả 120 viên bi. Biết rằng nếu Hoà cho Bình 10 viên bi thì số viên bi của hai bạn sẽ bằng nhau. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

A. Hoà: 60 viên ; Bình 60 viên

B. Hoà: 50 viên ; Bình 70 viên

C. Hoà: 70 viên ; Bình 50 viên

D. Hoà: 75 viên ; Bình 45 viên

Phương pháp

Bước 1. Tìm hiệu số bi của Hoà và Bình

Bước 2. Số bi của Hoà = (tổng + hiệu) : 2

Bước 3. Số bi của Bình = (tổng – hiệu) : 2

Lời giải

Hoà cho Bình 10 viên bi thì số viên bi của hai bạn sẽ bằng nhau nên Bình có nhiều hơn Hoà số bi là:

$$10 + 10 = 20 \text{ (viên)}$$

$$\text{Hoà có số viên bi là: } (120 + 20) : 2 = 70 \text{ (viên)}$$

$$\text{Bình có số viên bi là: } 120 - 70 = 50 \text{ (viên)}$$

Đáp án: C

Câu 6. Trong một cuộc thi chạy có bạn tham gia là Hà, Nam và Ninh. Hà chạy hết 3 phút 15 giây, Nam chạy hết 110 giây, Ninh về đích sau $\frac{7}{2}$ phút. Hỏi bạn nào chiến thắng trong cuộc thi?

A. Hà

B. Nam

C. Ninh

D. Không xác định được

Phương pháp

- Đổi các số đo thời gian sang đơn vị giây rồi so sánh

- Bạn nào có thời gian chạy ít nhất sẽ chiến thắng

Lời giải

Đổi: 3 phút 15 giây = 195 giây

$$\frac{7}{2} \text{ phút} = 210 \text{ giây}$$

Ta có $110 \text{ giây} < 195 \text{ giây} < 210 \text{ giây}$

Vậy người chiến thắng là bạn Nam.

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính

a) $\frac{3}{4} + \frac{7}{12}$

b) $3 - \frac{3}{4}$

c) $\frac{16}{27} \times \frac{9}{24}$

d) $\frac{8}{5} : 3$

Phương pháp

- Muốn cộng hoặc trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi cộng hoặc trừ hai phân số sau khi quy đồng.

- Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

- Muốn chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.

Lời giải

a) $\frac{3}{4} + \frac{7}{12} = \frac{9}{12} + \frac{7}{12} = \frac{16}{12} = \frac{4}{3}$

b) $3 - \frac{3}{4} = \frac{12}{4} - \frac{3}{4} = \frac{9}{4}$

c) $\frac{16}{27} \times \frac{9}{24} = \frac{16 \times 9}{27 \times 24} = \frac{4 \times 4 \times 9}{9 \times 3 \times 4 \times 6} = \frac{4}{18} = \frac{2}{9}$

d) $\frac{8}{5} : 3 = \frac{8}{5} \times \frac{1}{3} = \frac{8}{15}$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

2 phút 10 giây = giây

$\frac{2}{5}$ thế kỉ = năm

$13 \text{ m}^2 67 \text{ dm}^2 = \text{..... dm}^2$

$430 825 \text{ cm}^2 = \text{..... m}^2 \text{ cm}^2$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$1 \text{ phút} = 60 \text{ giây}$; $1 \text{ thế kỉ} = 100 \text{ năm}$

$1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$; $1 \text{ m}^2 = 10 000 \text{ cm}^2$

Lời giải

$$2 \text{ phút } 10 \text{ giây} = \mathbf{130} \text{ giây}$$

$$\frac{2}{5} \text{ thế kỉ} = \mathbf{40} \text{ năm}$$

$$13 \text{ m}^2 67 \text{ dm}^2 = \mathbf{1367} \text{ dm}^2$$

$$430 \text{ 825 cm}^2 = \mathbf{43} \text{ m}^2 \mathbf{825} \text{ cm}^2$$

Câu 3. Bác Hưng trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 160 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{8}$ chiều dài. Trung bình 100 m² của thửa ruộng đó thu hoạch được 70 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Phương pháp

Bước 1. Tìm chiều rộng = chiều dài $\times \frac{5}{8}$

Bước 2. Tìm diện tích thửa ruộng = chiều dài $\times$ chiều rộng

Bước 3. Tìm số kg thóc thu hoạch được

Lời giải

Chiều rộng của thửa ruộng là: $160 \times \frac{3}{8} = 60 \text{ (m)}$

Diện tích của thửa ruộng là: $160 \times 60 = 9600 \text{ (m}^2\text{)}$

Trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

$$9600 : 100 \times 70 = 6720 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 6720 kg thóc

Câu 4. Tính bằng cách thuận tiện

$$\text{a) } \frac{3}{8} \times \frac{19}{12} + \frac{3}{8} \times \frac{5}{12}$$

$$\text{b) } \frac{4}{7} \times \frac{17}{13} - \frac{4}{7} \times \frac{4}{13}$$

Phương pháp

Áp dụng công thức:

$$a \times b + a \times c = a \times (b + c)$$

$$a \times b - a \times c = a \times (b - c)$$

Lời giải

$$\text{a) } \frac{3}{8} \times \frac{19}{12} + \frac{3}{8} \times \frac{5}{12} = \frac{3}{8} \times \left(\frac{19}{12} + \frac{5}{12} \right) = \frac{3}{8} \times \frac{24}{12} = \frac{3}{8} \times 2 = \frac{3}{4}$$

$$\text{b) } \frac{4}{7} \times \frac{17}{13} - \frac{4}{7} \times \frac{4}{13} = \frac{4}{7} \times \left(\frac{17}{13} - \frac{4}{13} \right) = \frac{4}{7} \times 1 = \frac{4}{7}$$

